

Số: 371 /DNA-TH

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2020

V/v thông tin các chính sách tín dụng hỗ trợ
ngành nông nghiệp.

Kính gửi: Sở Công thương tỉnh Đồng Nai.

Phối hợp thực hiện việc thông tin các chính sách hỗ trợ ngành nông nghiệp trong tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus Corona (Covid-19) gây ra nhằm hỗ trợ người sản xuất nông sản trên địa bàn theo đề nghị của Sở Công thương tỉnh Đồng Nai tại văn bản số 533/SCT-TM ngày 17/02/2020.

Căn cứ các Chính sách tín dụng hiện hành, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai (NHNN CN tỉnh) cung cấp thông tin chính sách tín dụng hỗ trợ ngành nông nghiệp như sau:

I. Chi tiết các chính sách tại bảng đính kèm công văn này.

II. Ngoài ra, ngày 13/3/2020, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/3/2020.

Thông tư được ban hành nhằm kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19 theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/2/2020 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2020. Thông tư đảm bảo cơ sở pháp lý hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ cho doanh nghiệp, người dân vay vốn bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Thông tư gồm 03 Chương và 10 Điều, trong đó có một số nội dung chính sau:

1. Về phạm vi nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và tiêu chí xác định khoản nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19:

Điều 4 Thông tư quy định nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ là số dư nợ gốc và/hoặc lãi (bao gồm cả số dư nợ của các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài

chính; b) Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19; c) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về tiêu chí để xác định số dư nợ của khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, trong đó phải có tiêu chí khách hàng bị sụt giảm doanh thu, thu nhập bởi dịch Covid-19.

2. Về miễn, giảm lãi, phí:

Điều 5 Thông tư quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

3. Về giữ nguyên nhóm nợ:

Điều 6 Thông tư quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020 đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi quy định tại Thông tư, đồng thời, thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo thời hạn đã được cơ cấu lại theo quy định của pháp luật về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng không phải áp dụng nguyên tắc điều chỉnh vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

4. Về trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:

Điều 7: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm ban hành quy định nội bộ về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư này để thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo giám sát chặt chẽ, an toàn, phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ để trục lợi, phản ánh sai lệch chất lượng tín dụng.

Điều 8: Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm của trong

việc thanh tra, giám sát, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện Thông tư.

Trên đây là thông tin các chính sách tín dụng hỗ trợ ngành nông nghiệp trong tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới virus Corona gây ra của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Đồng Nai. *ve*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TH, CYén.

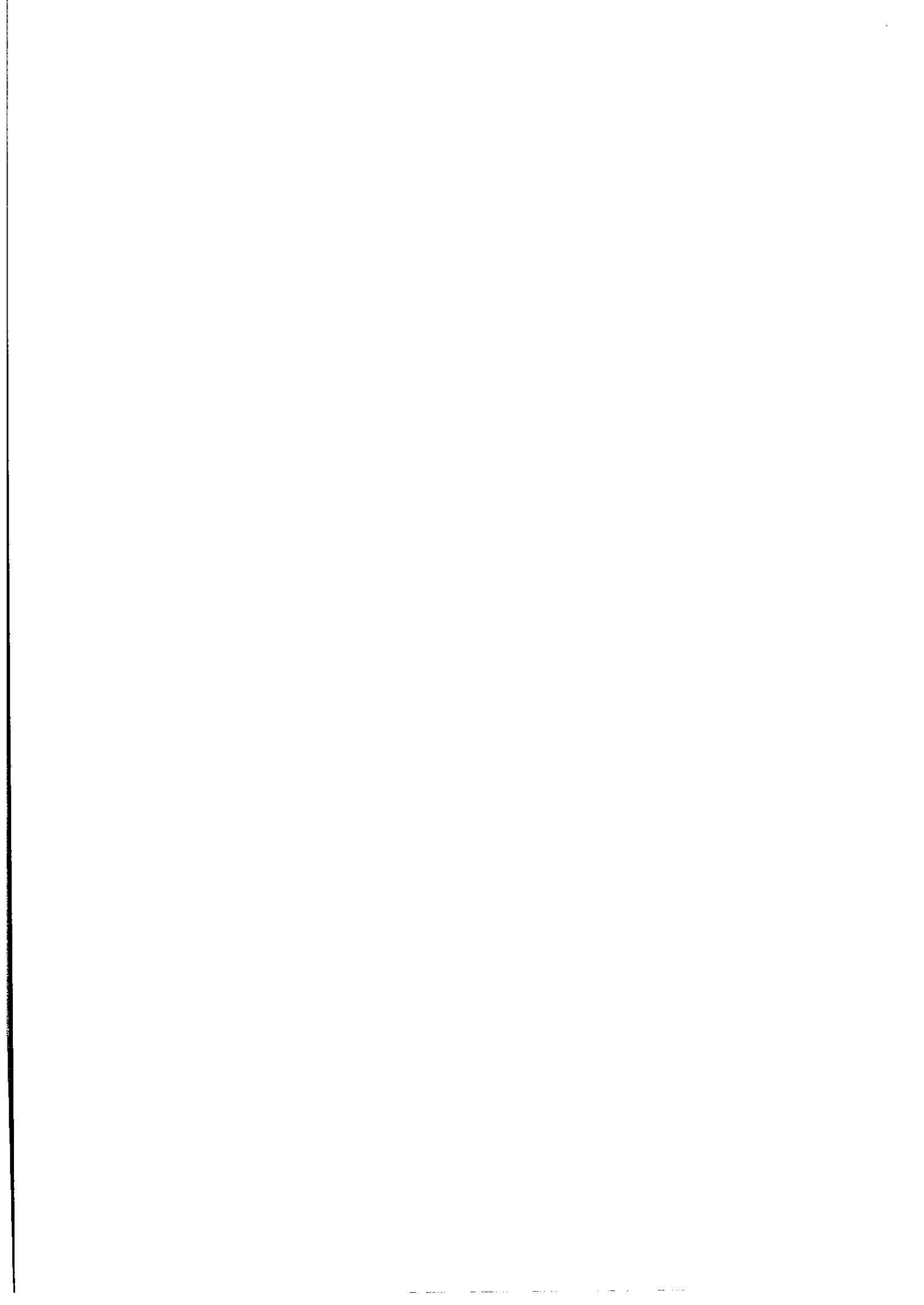
Đính kèm:

- Danh mục các CSTD hỗ trợ ngành NN;
 - Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020.
- ve*

GIÁM ĐỐC
PHỤ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hùng Mạnh



DANH MỤC CÁC CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG HỖ TRỢ NGÀNH NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số ~~371~~ /DNA-THI ngày 24/3/2020 của NHNN chi nhánh tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Trình tự, thủ tục hồ trợ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Số văn bản QPPL, quy định
1	Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Khách hàng vay vốn tại tổ chức tín dụng là cá nhân và pháp nhân: Hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định 116/2018/NĐ-CP	Các đối tượng được hỗ trợ hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại Điều 4 - ND 55/2015/NĐ-CP	Phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống của nông dân, cư dân ở nông thôn	Cho vay không có tài sản đảm bảo; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ và cho vay mới; Khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết; Khuyến khích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Giảm lãi suất cho vay khi khách hàng tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay	<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay không có tài sản bảo đảm (TSBD) đối với các đối tượng vay vốn tối đa từ 100 triệu đồng đến 3 tỷ đồng; - Cho vay không có TSBD tối đa bằng 70% - 80% giá trị dự án, phương án cho vay các DN, HTX, liên hiệp HTX phát triển nông nghiệp theo mô hình liên kết, ứng dụng công nghệ cao; - Lãi suất cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn do khách hàng và tổ chức tín dụng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ; - Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoan nợ và cho vay mới theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 55/2015/NĐ-CP và khoản 6 Điều 1 Nghị định 116/2018/NĐ-CP; - Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn theo quy định tại Điều 4 Nghị định 55 không phải nộp lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản và phí đăng ký giao dịch bảo đảm. - Khách hàng khi tham gia mua bảo hiểm đối với đối tượng sản xuất nông nghiệp hình thành từ nguồn vốn vay, được TC/TD giảm lãi suất cho vay với mức tối thiểu 0,2%/năm so với lãi suất của các khoản cho vay cùng loại và có thời hạn tương ứng. 	<ul style="list-style-type: none"> Theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP; Nghị định 116/2018/NĐ-CP; Thông tư 10/2015/TT-NHNN; Thông tư 25/2018/TT-NHNN; Quy chế cho vay của các NHITM 	<ul style="list-style-type: none"> Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Khoản 1, Điều 2 Thông tư 10/2015/TT-NHNN 	<ul style="list-style-type: none"> Các Bộ, ngành liên quan: UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015; Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018; Thông tư 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015; Thông tư 25/2018/TT-NHNN ngày 25/2018/TT-NHNN ngày 24/10/2018

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Trình tự, thủ tục hỗ trợ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Số văn bản QPPL, quy định
2	Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp	Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân theo khoản 1 Điều 1 Quyết định 68/2013/QĐ-TTg	Các doanh nghiệp đáp ứng quy định theo Quy chế cho vay của các TCTD và Quyết định 68/2013/QĐ-TTg	Giảm tổn thất trong nông nghiệp	<p>Đối tượng được vay tối đa 100% giá trị hàng hoá và được hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp. Dòng tiền, được ngân sách Nhà nước hỗ trợ phân chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng chuyên máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp, mức vay tối đa bằng 70% giá trị của dự án.</p>	<p>Hỗ trợ 100% lãi suất vốn vay trong hai năm đầu, 50% trong năm thứ ba đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn, ngắn hạn bằng đồng Việt Nam để mua máy, thiết bị nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; NSNN hỗ trợ phân chênh lệch giữa lãi suất thương mại đối với các khoản vay dài hạn, trung hạn bằng đồng Việt Nam và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng chuyên máy, thiết bị giảm tổn thất trong nông nghiệp (bao gồm cả nhà xưởng); các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.</p>	Theo quy định của các TCTD	<p>Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p> <p>Các Bộ, ngành liên quan; UBND tỉnh</p>	<p>Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/1/2013; Thông tư 13/2014/TT-NHNN ngày 18/4/2014; Thông tư 08/2014/TT-BNNP/TNT ngày 20/3/2014; Thông tư 02/2016/TT-BNNP/TNT ngày 22/2/2016</p>	

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Trình tự, thủ tục hỗ trợ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Số văn bản QPPL quy định
3	Chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản	<p>Chu tàu đặt hàng đóng mới tàu, nâng cấp tàu (thay máy; giá cố bọc vỏ thép; bọc vỏ vật liệu mới; mua ngư lưới cụ; trang thiết bị hàng hải; trang thiết bị khai thác; trang thiết bị bảo quản sản phẩm; trang thiết bị bóc xếp hàng hóa) phục vụ hoạt động khai thác hải sản</p>	<p>Chu tàu phải đáp ứng các điều kiện vay quy định tại Điều 4 Thông tư 22/2014/TT-NHNN và khoản 3 Điều 1 Thông tư 12/2018/TT-NHNN</p>	<p>Phát triển thủy sản theo chủ trương của Chính phủ</p>	<p>Cho vay để chủ tàu đặt hàng đóng mới, nâng cấp tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2015/NĐ-CP); Cho vay ngắn hạn để chủ tàu đảm bảo chi phí khai thác hải sản và cung cấp dịch vụ hậu cần khai thác hải sản theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2014/NĐ-CP</p>	<p>Theo quy định của các TCTD</p>	<p>Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài</p>	<p>Các Bộ, ngành liên quan; UBND tỉnh</p>	<p>Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014; Nghị định 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015; Nghị định 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018; Thông tư 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014; Thông tư 21/2015/TT-NHNN ngày 16/11/2015; Thông tư 12/2018/TT-NHNN ngày 27/4/2018</p>

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Trình tự, thủ tục hỗ trợ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Số văn bản QPPL, quy định
4	Chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ	Pháp nhân và cá nhân có nhu cầu vay vốn để thực hiện dự án, chương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch quy định tại QĐ 738/QĐ-BNN-Nghi quyết KHICN ngày 14/3/2017 của Bộ NN&PTNT (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Quyết định 813/QĐ-NHNN)	Các đối tượng được hỗ trợ đáp ứng quy định theo Quy chế cho vay của các TCTD và Quyết định 813/QĐ-NHNN	Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch	Ưu đãi về lãi suất: Khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo quy định của pháp luật; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và cho vay mới.	- Các NHFM tự cân đối nguồn vốn để cho vay với lãi suất cho vay bằng VND thấp hơn từ 0,5%/năm đến 1,5%/năm so với mức lãi suất cho vay thông thường cùng kỳ hạn của NHFM; - Khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo cho khoản vay theo quy định của pháp luật; - Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và cho vay mới theo quy định tại Điều 6 Quyết định 813/QĐ-NHNN.	Theo Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017, Thông tư 39/2016/T-T-NHNN và Quy chế cho vay của các NHFM	Các Ngân hàng thương mại	Các Bộ, ngành liên quan; UBND tỉnh	Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của NHNN Việt Nam

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Trình tự, thủ tục hỗ trợ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Số văn bản QPPL quy định
5	Lãi suất cho vay ngân hàng tối đa bằng đồng Việt Nam của TCCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế	5 nhóm đối tượng lĩnh vực và ngành kinh tế ưu tiên (Lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn, lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, phục vụ sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao)	Khách hàng đáp ứng quy định theo Quy chế cho vay của các TCCTD	Phát triển một số lĩnh vực và ngành kinh tế ưu tiên	Cho vay ngân hàng bằng đồng Việt Nam với lãi suất ưu đãi	Mức lãi suất cho vay ngân hàng tối đa bằng đồng Việt Nam là 5,5%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất cho vay ngân hàng tối đa bằng đồng Việt Nam là 6,5% năm	Theo quy định của các TCCTD	Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Các Bộ, ngành liên quan; UBND tỉnh	Thông tư 59/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Quyết định 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 của NHNN Việt Nam

STT	Tên chính sách hỗ trợ	Đối tượng hỗ trợ	Điều kiện hỗ trợ	Mục đích hỗ trợ	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Trình tự, thủ tục hỗ trợ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Số văn bản QPPL quy định
6	Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng	Khách hàng được vay vốn theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 2 Thông tư 39/2016/TT-NHNN	Tổ chức tín dụng xem xét, quyết định cho vay khi khách hàng có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Thông tư 39/2016/TT-NHNN	Phục vụ hoạt động kinh doanh và phục vụ nhu cầu đời sống	Cho vay từng lần; Cho vay hợp vốn; Cho vay lưu vụ; Cho vay theo hạn mức; Cho vay theo hạn mức cho vay dư; Cho vay theo hạn mức phân bổ; Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán; Cho vay quay vòng; Cho vay tuần hoàn.	TCTD căn cứ vào phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính của khách hàng, các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng và khả năng nguồn vốn của TCTD để thỏa thuận với khách hàng	Theo Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016	Các tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 39/2016/TT-NHNN	Các cơ quan đơn vị liên quan	Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Việt Nam

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 /2020/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus corona (Covid - 19).

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng (không bao gồm ngân hàng chính sách), chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Điều 3. Áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan

Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid -19 thực hiện theo quy định tại Thông tư này; các nội dung liên quan đến cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, phân loại nợ không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ là số dư nợ gốc và/hoặc lãi (bao gồm cả số dư nợ của các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung)) đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- b) Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid -19;
- c) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid -19.

2. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- a) Số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký;
- b) Số dư nợ đã quá hạn (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này) trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đánh giá của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi của khách hàng sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phù hợp mức độ ảnh hưởng của dịch Covid - 19 và đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật.

b) Thời gian cơ cấu lại trong trường hợp kéo dài thêm một khoảng thời gian tra nợ không vượt quá 12 tháng kể từ ngày cuối cùng của thời hạn cho vay, cho thuê tài chính (thời điểm khách hàng phải trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký).

Điều 5. Miễn, giảm lãi, phí

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19 và khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Điều 6. Giữ nguyên nhóm nợ

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020 đối với số dư nợ sau đây:

a) Số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ quy định tại Điều 4 Thông tư này;

b) Số dư nợ được miễn, giảm lãi quy định tại Điều 5 Thông tư này;

c) Số dư nợ quy định tại điểm a, b khoản này bao gồm cả phần dư nợ đã cơ cấu lại thời hạn nợ, miễn, giảm lãi và điều chỉnh nhóm nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với số dư nợ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo thời hạn đã được cơ cấu lại theo quy định của pháp luật về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhưng không phải áp dụng nguyên tắc điều chỉnh vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn.

3. Đối với số lãi phải thu của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) theo quy định tại Thông tư này, kể từ ngày được cơ cấu lại, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải hạch toán thu nhập (dự thu) mà thực hiện theo dõi ngoại bảng để dồn đốc thu; thực hiện hạch toán vào thu nhập khi thu được theo quy định của pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định, chịu trách nhiệm cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Thông tư này đảm bảo giám sát chặt chẽ, an toàn, phòng ngừa, ngăn chặn việc lợi dụng cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ để trục lợi, phản ánh sai lệch chất lượng tín dụng.

2. Ban hành quy định nội bộ về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư này để thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống, trong đó quy định cụ thể các nội dung sau:

a) Tiêu chí xác định số dư nợ của khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19;

b) Trình tự, thủ tục, phân công, phân cấp, nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ bảo đảm nguyên tắc cá nhân, bộ phận quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ không là cá nhân, bộ phận phê duyệt cấp tín dụng, trừ trường hợp việc cấp tín dụng do Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc/Giám đốc, ngân hàng mẹ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thông qua. Trường hợp việc xét duyệt cấp tín dụng và xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thông qua cơ chế hội đồng thì Chủ tịch Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt cấp tín dụng và ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng xét duyệt cơ cấu lại thời hạn trả nợ không phải là thành viên của Hội đồng xét duyệt tín dụng;

c) Tần suất rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng sau khi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ theo quy định pháp luật; theo dõi, kiểm tra, kiểm soát, giám sát đối với việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày đầu tiên của mỗi tháng, tổ chức tín dụng (trừ quỹ tín dụng nhân dân), chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải gửi báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) về tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ đến ngày cuối cùng của tháng liền trước theo quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư này.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày đầu tiên của mỗi tháng, tổ chức tín dụng là quỹ tín dụng nhân dân phải gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) nơi đặt trụ sở chính về tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ đến ngày cuối cùng của tháng liền trước theo quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Trách nhiệm của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) Tổng hợp báo cáo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này và điểm a khoản 3 Điều này;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Thực hiện thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

a) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của mỗi tháng, tổng hợp báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn theo khoản 4 Điều 7 Thông tư này và gửi Vụ Tín dụng các ngành kinh tế để tổng hợp;

b) Thực hiện thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện Thông tư này theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Trách nhiệm của Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam

Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam thực hiện việc điều chỉnh thông tin tín dụng của khách hàng theo quy định tại Thông tư này trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2020.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH6. *lee*

KÍ THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

